

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐÔNG HƯNG  
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 81/2024/HNGĐ- ST

Ngày 11/9/2024

V/v tranh chấp hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HƯNG**

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có;*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hà Thị Nhung

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Hà Huy Khoa và bà Cao Thị Hưng.

*Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thanh Huyền - Thư ký Tòa án

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng tham gia phiên tòa:* Bà Lại Thị Giang - Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 119/2024/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2024 về tranh chấp về hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2024, quyết định hoãn phiên tòa số 45/2024/QĐ- ST ngày 23/8/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị T, sinh năm 1999

Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện K, Thái Bình.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Mạnh H, Sinh năm: 2001;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Bình.

(Các đương sự đều vắng mặt )

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn xin ly hôn ngày 29/5/2024 và trong quá trình tố tụng chị Trần Thị T trình bày:

Chị và anh H kết hôn do tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Bình vào ngày 19/7/2021. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đến ngày 30/4/2022 thì phát sinh mâu thuẫn. nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh H sống không quan tâm bỏ bê gia đình vợ con. Chị T và gia đình đã nhiều lần góp ý nhưng anh H không thay đổi. Từ ngày 15/10/2022 chị chán nản đã đưa con về nhà mẹ đẻ chị ở xã T, huyện K sinh sống. Khi chị đi anh H có sang tìm nhưng chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, chị không thể tiếp tục chung sống với anh H được nữa nên chị không quay lại chung sống với anh H. Nay chị nhất định xin được ly hôn anh H, dù anh H có xin đoàn tụ chị cũng không quay lại chung sống cùng anh.

Về con chung: Chị và anh H có 01 con chung là Nguyễn Minh H1, sinh ngày 04/5/2021, hiện đang sinh sống cùng với chị. Ly hôn chị xin nuôi con không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con cùng chị. Hiện chị đang làm công nhân thu nhập khoảng 7 – 8 triệu đồng /tháng. Chị đủ điều kiện nuôi con.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết .

Trong quá trình tố tụng bà Đỗ Thị H2 là mẹ đẻ anh H trình bày: Chị T, anh H kết hôn do tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã H vào năm 2021. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống thường xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Nay chị T xin ly hôn Tòa án có gửi các văn bản giao cho anh H bà H2 đã nhận và đều thông báo cho anh H. Anh H đi làm ăn thỉnh thoảng vẫn về nhà bà H2 đã thông báo cho anh H việc chị T xin ly hôn anh H, anh H cũng đồng ý ly hôn với chị T. Về con chung anh H chị T có 01 con chung là Nguyễn Minh H1, hiện đang sinh sống cùng với chị T nên anh H đồng ý để chị T nuôi con anh không phải cấp dưỡng. Anh H cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản .

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng phát biểu quan điểm việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi nghị án đúng quy định của pháp luật việc chấp hành pháp luật của chị T, đã tuân thủ quy định của pháp luật, còn anh H chưa tuân thủ quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 39, Điều 35, Điều 146, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án, lệ phí Tòa án; Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T xử cho chị được ly hôn anh H. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Minh H1, sinh ngày 04/5/2021, cho chị T nuôi dưỡng đồng thời chấp nhận tự nguyện của chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con cùng chị. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết. Về án phí: Buộc chị T phải chịu án phí và đề nghị về quyền kháng cáo.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, anh H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Căn cứ vào khoản 2, Điều 227, khoản 1, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị T, anh H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T, anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Cuối năm 2022 chị T chán nản đã đưa con về nhà mẹ đẻ ở xã T huyện K sinh sống. Từ đó vợ chồng sống ly thân cho đến nay không quan tâm đến nhau. Nay chị T xác định vợ chồng không còn tình cảm chị nhất định xin ly hôn anh H, anh H cũng đã biết việc chị T có đơn ly hôn, nhưng khi Tòa án triệu tập tham gia phiên hòa giải anh vẫn vắng mặt. Điều đó thể hiện việc anh H không còn thiết tha đoàn tụ, không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Xét thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần chấp nhận nguyện vọng của chị T, xử cho chị được ly hôn anh H là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Chị T, anh H có 01 con chung là Nguyễn Minh H1, sinh ngày 04/5/2021. Từ khi vợ chồng ly thân cháu H1 vẫn ở với chị T, chị T vẫn chăm sóc con chu đáo, cháu H1 vẫn phát triển bình thường. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu H1 cần tiếp tục giao con Nguyễn Minh H1, sinh ngày 04/5/2021, cho chị T nuôi dưỡng, chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con cùng chị nên cần chấp nhận tự nguyện của chị T.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị T là nguyên đơn nên phải chịu toàn bộ án dân sự sơ thẩm, theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 39, Điều 35, Điều 146, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về

mức thu án, lệ phí Tòa án; Điều 51, Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình.  
Tuyên xử:

1/Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị T được ly hôn anh Nguyễn Mạnh H

2/Về con chung: Giao con chung Nguyễn Minh H1, sinh ngày 04/5/2021 cho chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận tự nguyện của chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

Anh H có quyền nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích, theo yêu cầu của cha mẹ cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

3/ Về tài sản chung: Không giải quyết.

4/ Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0003257 ngày 12/7/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hưng thành tiền án phí.

5/Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận :**

- Các đương sự;
  - VKS huyện Đông Hưng;
  - VKSND tỉnh Thái Bình;
  - Thi hành án dân sự Đông Hưng;
  - UBND xã Hồng Bạch
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Hà Thị Nhung**

